TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2026/HS-ST
Ngày 04-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Thân; Bà Phạm Thị Minh
- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6- Thanh Hoá.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6- Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Huyền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Văn T , sinh ngày 25 tháng 01 năm 2002, tại: Xã L, tỉnh Thanh Hóa; căn cước công dân số 038202019577 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 16/04/2021; nơi cư trú: Thôn N, xã H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Lê Thanh H sinh năm 1971 và bà Lê Thị A sinh năm 1983; chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* Chị Bùi Thị N sinh năm 2007
Trú tại: Thôn F, xã H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T và chị Bùi Thị N, sinh ngày 05/7/2007, trú tại: thôn F, xã H, tỉnh Thanh Hóa có quen biết nhau từ trước. Khoảng 20 giờ 00 ngày 13/11/2025, T cùng các bạn gồm: anh Trần Hải N1, sinh năm 2008 trú tại thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa; anh Lê Quốc C, sinh năm 2002 trú tại thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa; anh Mai Quang H1, sinh năm 2004 trú tại thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa đến quán K thuộc thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa để hát. Khi đến quán , nhóm của T vào phòng hát số 01. Lúc này, T có nhờ chủ quán gọi cho một số nhân viên rót bia, một lúc sau thì có chị Bùi Thị N; Bùi Thị Huyền T1, sinh năm 2006, trú tại thôn E, xã H, tỉnh Thanh Hóa; Nguyễn Thị Thành V, sinh năm 1998, trú tại thôn D, xã H, tỉnh Thanh Hóa vào phòng hát số 01 phục vụ. Do quen biết từ trước nên T đến ngồi cạnh chị N. Lúc này, thấy chị N đang sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone 16 Promax nên T có mượn để xem facebook. Được một lát, chị N lấy lại điện thoại từ tay T để xuống ghế rồi đứng lên rót bia cho những người khác trong phòng. Do chị N để chiếc điện thoại Iphone ngay bên cạnh chỗ T ngồi và thấy chị không để ý đến chiếc điện thoại nên T nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại. Quan sát thấy mọi người trong phòng hát đang hát vui vẻ không ai để ý, T dùng tay cầm chiếc điện thoại Iphone của N lên và dắt ngay vào phía sau quần đùi của mình để cất giấu. Sau đó, T ra khỏi phòng hát số 1, đi thẳng ngoài đường trước cửa quán hát giả vờ đi vệ sinh đồng thời dùng tay tắt nguồn điện thoại vừa lấy được của N. Sau khi tắt nguồn điện thoại, T đi vào đứng cạnh xe mô tô Airblade BKS 36BD-031.23 của T định để cất giấu chiếc điện thoại vừa lấy trộm vào cốp xe nhưng do có người đang đứng ở quầy lễ tân, sợ bị phát hiện nên T đi vào hành lang phòng hát đứng chờ. Khoảng 01 phút sau, T tiếp tục đi ra khu để xe, tay trái cầm điện thoại của mình giơ lên ốp vào tai giả vờ nghe điện thoại, tay phải vặn khóa điện tử xe máy của mình mở khoá mở cốp xe rồi T nhanh chóng rút chiếc điện thoại vừa lấy trộm của N đang dắt phía sau quần đùi của mình bỏ vào trong cốp xe máy, đóng cốp xe, khoá xe lại rồi quay vào phòng hát bình thường. Khoảng 23 giờ 00 cùng ngày, chị N không tìm thấy điện thoại của mình nên hỏi mọi người trong phòng hát có ai cầm điện thoại của N không thì mọi người trong phòng và T đều nói "không". Chị N cùng mọi người tìm trong phòng hát, T cũng giả vờ tham gia tìm nhưng không thấy. Sau đó, chị N ra quầy báo với anh Nguyễn Cảnh D, sinh năm 1992 là chủ quán hát, anh D vào phòng hát số 01 hỏi mọi người "Ai giấu điện thoại của N thì trả cho nó" nhưng Lê Văn T và mọi người tiếp tục trả lời là không ai lấy nên anh D đi ra ngoài, nhóm của T lại tiếp tục hát. Đến 24 giờ cùng ngày, nhóm Lê Văn T nghỉ hát, ra lễ tân thanh toán. Lúc này, N nói với chủ quán là vẫn không tìm thấy điện thoại nên anh D đề nghị mọi ngươi cho kiểm tra các xe tại sân quán. Khi kiểm tra cốp xe mô tô Airblade BKS 36BD-031.23 của T thì phát hiện chiếc điện thoại của N trong cốp xe. Sau đó, anh D báo cáo sự việc đến cơ quan Công an để xác minh làm rõ.

**Tài sản, đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ và xử lý vật chứng:*

- 01 (một) xe mô tô BKS: 36BD-031.23, nhãn hiệu Airblade-Honda; số máy: JK14E0139871, số khung: RLHJK1407NZ260235, sơn màu: đen, vàng là xe của Lê Văn T giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 16 Promax, màu trắng, số máy MYXN3CH/A; IMEI: 359717486941780, bên trong có lắp 01 sim (Bút lục: 108).

- Trích xuất được dữ liệu hình ảnh Camera tại quán hát ghi nhận các hình ảnh liên quan.

Ngày 04/12/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã H, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Kết luận định giá tài sản số: 01/KLHĐĐGTS Kết luận:

Tại thời điểm định giá 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 16 Promax màu trắng, dung lượng 256GB, mua mới tháng 9/2025, đang hoạt động bình thường có giá trị là ***26.500.000đ*** (Hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng),

Trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã rà soát camera của quán K, thu nhận được 01 đoạn video ghi nhận hành vi Lê Văn T cất giấu chiếc điện thoại vào cốp xe mô tô BKS: 36BD-03123.

Ngày 17/12/2025, Phòng K1 Công an tỉnh T ban hành Kết luận giám định số 73/KL-KTHS, kết luận: Không tìm thấy dấu vết chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ản trong tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định.

Đối với chiếc điện thoại, sau khi thu giữ để phục vụ quá trình điều tra và tiến hành định giá tài sản, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bị hại là chị Bùi Thị N, chị N đã nhận lại và không có ý kiến thắc mắc gì. Đối với xe mô tô BKS: 36BD-031.23, nhãn hiệu Airblade-Honda sơn màu: đen, vàng là xe của Lê Văn T chuyển Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 chờ xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, Lê Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị can phù hợp với lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 34/CT-VKSKV6 ngày 29/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Thanh Hoá đã truy tố Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản " theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-Thanh Hoá đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Về hình phạt: Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt Lê Văn T từ 14 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho bị cáo 01 chiếc xe mô tô có BKS36LD-031.23 ghi chữ HONDA AIRBLADE màu đen vàng số máy: JK 14E0139871; số khung RLHJK1407NZ260235 đã qua sử dụng. Đề nghị tuyên bị cáo nộp tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T; Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà bị cáo Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng truy tố. Căn cứ lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 13/11/2025, tại quán K thuộc thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa, Lê Văn T có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 16 Prmax, màu trắng của chị Bùi Thị N. Giá trị tài sản bị thiệt hại là 26.500.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: " Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 điều 173 của BLHS.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo bằng một mức án nghiêm minh nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo và nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung trên địa bàn dân cư.

Xét các tình tiết tăng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, quá trình điều tra và tai phiên toà bị cáo khai báo thật thà, thành khẩn, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i,s khoản 1 điều 51 BLHS. Ngoài ra HĐXX cũng xét trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo đã tích cực đóng góp các phong trào ủng hộ đồng bào bão lụt, ông nội bị cáo là ông Lê Thanh B là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba nên khi lượng hình HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 điều 51 BLHS. Xét tình tiếng tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng

án treo cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại di động Iphone 16 Prmax, màu trắng của chị Bùi Thị N đã được cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho bị hại. Chị Bùi Thị N không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

[5] Đối với chiếc xe mô tô BKS: 36D-031.23 ghi chữ HONDA AIBLADE màu đen là xe của bị cáo. Xét thấy chiếc xa không phải là công cụ phương tiện phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 3 điều 106 Bộ Luật Tố tụng Hình sự trả lại chiếc xe trên cho bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điêu 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30(ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/02/2026).

Giao bị cáo Lê Văn T cho UBND xã H , tỉnh Thanh Hoá quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án Hình sự

- Căn cứ điểm a khoản 3 điều 106 Bộ Luật Tố tụng Hình sự trả lại cho bị cáo 01 chiếc xe mô tô có BKS36LD-031.23 ghi chữ HONDA AIRBLADE màu đen vàng số máy: JK 14E0139871; số khung RLHJK1407NZ260235 đã qua sử dụng

(Tang vật được mô tả và bàn giao cho phòng thi hành án dân sự khu vực 6-Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 01 năm 2026 của phòng thi hành án dân sự khu vực 6-Thanh Hoá)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp án phí HSST 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/02/2026). Bị hại chị Bùi Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 6-Thanh Hoá;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT CA tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hoá.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Hương